

Số: /QĐ-UBND

Vũ Quang, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm trang thiết bị y tế đợt 2 năm 2025 tại
Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước; số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/2/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về việc Quản lý trang thiết bị y tế; được sửa đổi và bổ sung một số điều tại Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ; số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 103/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 71/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh về một số cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực Y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng của các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc UBND huyện quản lý;

Căn cứ Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 của UBND huyện Vũ Quang về việc cấp kinh phí cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế năm 2025 cho Trung tâm Y tế huyện;

Căn cứ Văn bản số 377/UBND ngày 17 tháng 03 năm 2025 của UBND huyện Vũ Quang về việc chủ trương mua sắm trang thiết bị y tế đợt 2 năm 2025 của Trung tâm Y tế;

Theo đề xuất của Trung tâm Y tế huyện tại Tờ trình số 210/TTr-TTYT ngày 13/6/2025 về việc đề nghị phê duyệt dự toán và kế hoạch mua sắm trang thiết bị y tế đợt 1 năm 2025 (kèm theo Thông báo số 01/KL-HĐTĐG ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm định giá nhà nước huyện Vũ Quang về việc Thông báo Kết quả thẩm định giá); báo cáo, đề xuất của Phòng TC-KH huyện tại Tờ trình số 162/TTr-TCKH ngày 17/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch mua sắm trang thiết bị y tế đợt 2 năm 2025 tại Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang với các nội dung sau:

1. Danh mục, số lượng và đặc tính kỹ thuật của trang thiết bị mua sắm: Có phụ lục 1, 2 chi tiết kèm theo.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang.

3. Tổng dự toán thực hiện: **2.003.415.000 đồng** (Hai tỷ không trăm linh ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

4. Nguồn kinh phí: Nguồn Ngân sách Nhà nước (được bố trí tại Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 của UBND huyện Vũ Quang về việc cấp kinh phí cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế năm 2025 cho Trung tâm Y tế huyện) và nguồn thu của đơn vị sự nghiệp.

Điều 2. Giao tổ chức thực hiện:

- Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang căn cứ quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành luật xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gửi Tổ thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu huyện để thẩm định và trình UBND huyện phê duyệt theo đúng quy định về đấu thầu mua sắm hàng hoá từ nguồn ngân sách nhà nước. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND huyện và Chủ tịch UBND huyện, các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, đúng quy định về sử dụng tài sản công, các quy định pháp luật có liên quan đối với các thông tin, số liệu, số kinh phí được cấp, nội dung đề xuất; chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng,

hiệu quả, thực hiện thanh quyết toán và quá trình tổ chức thực hiện đảm bảo quy trình, quy định, tuyệt đối không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện (đơn vị thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo đúng nội dung, mục đích.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện; Trưởng phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH

Trần Nguyên Thọ

PHỤ LỤC 1

Danh mục thiết bị mua sắm đợt 2 năm 2025 tại Trung tâm Y tế huyện
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2025 của UBND huyện)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ				1.983.200.000
1	Máy phân tích miễn dịch tự động	Máy	01	800.000.000	800.000.000
2	Máy phân tích huyết học (tự động ≥ 18 thông số)	Máy	01	273.000.000	273.000.000
3	Máy X quang răng kỹ thuật số chụp cận chóp	Máy	01	405.000.000	405.000.000
4	Máy điện phân trị liệu	Máy	02	145.000.000	290.000.000
5	Máy điện xung trị liệu	Máy	01	140.000.000	140.000.000
6	Máy điện châm	Máy	22	1.850.000	40.700.000
7	Bồn massage ngâm chân	Máy	10	3.450.000	34.500.000
II	CÁC CHI PHÍ KHÁC				20.215.000
1	Chi phí thẩm định giá	Bộ	1		13.932.000
2	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT				4.283.000
3	Chi phí thẩm định HSMT và phê duyệt KQLCNT				2.000.000
	TỔNG CỘNG (I+II)				2.003.415.000

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

PHỤ LỤC 2
Danh mục, đặc tính kỹ thuật của thiết bị
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2025 của UBND huyện)

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Máy phân tích miễn dịch tự động	I. YÊU CẦU CHUNG Tên trang thiết bị: Máy phân tích miễn dịch tự động Tên Thương Mại: AUTOMATED ENZYME IMMUNOASSAY AIA-360 Model: 0019945, AUTOMATED ENZYME IMMUNOASSAY AIA-360 Hãng sản xuất: TOSOH HI-TEC INC Nước sản xuất: Nhật Bản - Thiết bị được sản xuất năm từ 2024 trở về sau, mới 100%. - Nhà sản xuất có giấy chứng chỉ quốc tế : ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương II. YÊU CẦU CẤU HÌNH Máy chính: 01 bộ Máy in nhiệt: 01 chiếc Bộ phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm máy: 01 bộ Sách hướng dẫn sử dụng: 01 bộ III. YÊU CẦU KỸ THUẬT 1. Các chỉ số xét nghiệm và hóa chất 1.1 Các chỉ số xét nghiệm cần thực hiện được trên thiết bị này: ≥ 40 chỉ số, trong đó bao gồm: - Các chỉ số về chỉ dấu ung thư (marker ung bướu): ≥ 10 chỉ số, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn ở các chỉ số sau: AFP, CEA, CA19-9, CA	0019945, AUTOMATED ENZYME IMMUNOASSAY AIA-360	Máy	01	800.000.000	800.000.000

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		153, CA125, PSA, FREE PSA, PAP, SCC - Các chỉ số về tuyến giáp (Thyroid): ≥ 08 chỉ số, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn ở các chỉ số sau: T3, T4, TSH, FT3, FT4, TG, TPOAB, TGAB - Các chỉ số về tim mạch (Cardiac maker): ≥ 06 chỉ số, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn ở các chỉ số sau: BNP, cTnl, MYO, CK-MB, D-Dimer, Homocysteine - Các chỉ số về bệnh truyền nhiễm (Infectious disease): ≥ 05 chỉ số, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn ở các chỉ số sau: HBsAg, HBsAb, HBeAg, HBeAb, HBcAb - Các chỉ số về hóc môn sinh sản (Reproductive): ≥ 010 chỉ số, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn ở các chỉ số sau: HCG, BHCG, Testosterone, LH, Progesterone, FSH, E2, Prolactin, hsE2, SHBG - Các chỉ số khác: ≥ 13 chỉ số, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn ở các chỉ số sau: IRI, C-Peptide, IgE, Cort, CyctatinC, BMG, HGH, intact PTH, ACTH, Dhea-S, Osteocalcin, Fer 1.2 Công nghệ xét nghiệm và hóa chất - Tốc độ xét nghiệm: ≥ 35 test/giờ - Phương pháp: xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang hoặc tương đương - Mẫu sử dụng cho xét nghiệm: ít nhất phải sử dụng được mẫu huyết tương, huyết thanh - Thể tích hút mẫu: ≤ 10 uL - Thời gian phản ứng: ≤ 10 phút					

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		- Hạn sử dụng của hóa chất kể từ ngày sản xuất: ≥ 12 tháng - Độ ổn định của đường cong hiệu chuẩn: ≥ 90 ngày IV. CÁC YÊU CẦU KHÁC: - Bảo hành: ≥ 12 tháng - Lắp đặt, bảo trì, bảo hành bởi kỹ sư chính hãng hoặc được chính hãng đào tạo và cấp chứng chỉ - Giao hàng trong vòng 90 ngày - Độ ổn định của đường cong hiệu chuẩn: ≥ 90 ngày.					
2	Máy phân tích huyết học (tự động ≥ 18 thông số)	I. YÊU CẦU CHUNG Tên trang thiết bị: Máy phân tích huyết học (tự động ≥ 18 thông số) Tên Thương mại: Hemix 3-60 Model: A0214, Hemix 3-60 Hãng sản xuất: SFRI SAS Nước sản xuất: Pháp - Thiết bị: mới 100% - Năm sản xuất: từ 2024 trở đi - Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương II. YÊU CẦU CẤU HÌNH - Máy chính: 01 máy - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ. - Máy in nhiệt: 01 máy - Bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh, tiếng	A0214, Hemix 3-60	Máy	01	273.000.000	273.000.000

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		Việt): 01 bộ III. YÊU CẦU KỸ THUẬT 1. Tính năng: - Máy xét nghiệm huyết học tự động, cho kết xét nghiệm chính xác trên các mẫu có lượng tế bào lympho cao và lượng tiểu cầu thấp 2. Thông số kỹ thuật: Chỉ số xét nghiệm: - Danh mục chỉ số xét nghiệm ≥ 20 chỉ số Công suất: - Công suất: ≥ 60 giây/xét nghiệm Thẻ tích lấy mẫu: - Mẫu máu ≤ 15 ul Cổng vào/ra: - RS232 x 1; cổng USB x 4; Ethernet x 1 In kết quả: - in được trực tiếp từ Máy in nhiệt Hóa chất: - Sử dụng ≤ 2 hóa chất chính - Quản lý hóa chất bằng mã vạch Các chỉ số kỹ thuật khác: - Công suất tiêu thụ điện: ≤ 150 VA IV. YÊU CẦU KHÁC: - Bảo hành: tối thiểu 12 tháng - Thời gian cung cấp: Tối đa 90 ngày - Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng: lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ tại đơn vị trực tiếp sử dụng - Giấy phép bán hàng: Có Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân					

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		phối					
3	Máy X-quang răng kỹ thuật số chụp cận chóp	I. YÊU CẦU CHUNG Tên trang thiết bị: Máy X-quang răng kỹ thuật số chụp cận chóp Tên Thương mại: Máy X-quang răng đơn kỹ thuật số Model: XGENUS Hãng sản xuất: De Gotzen Srl Xuất xứ: Ý Năm sản xuất: Mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 Tiêu chuẩn sản phẩm: CE hoặc tương đương Nguồn điện sử dụng: Sử dụng được nguồn điện 220 VAC /50 Hz II. YÊU CẦU CẤU HÌNH Máy phát tia kèm bảng điều khiển: 01 bộ Bóng phát tia: 01 cái Cảm biến CCD: 01 cái Xe đẩy máy: 01 cái Máy tính xách tay + máy in: 01 bộ Phần mềm điều khiển, xử lý ảnh: 01 bộ Phụ kiện tiêu chuẩn (nếu có): 01 bộ III. YÊU CẦU KỸ THUẬT Phạm vi sử dụng: Máy X quang nha khoa di động, dùng trong chẩn	XGENUS	Máy	01	405.000.000	405.000.000

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		đoán và điều trị răng. Thu nhận hình ảnh thông qua cảm biến nha khoa kỹ thuật số, cho phép thu nhận và xử lý hình ảnh nha khoa chất lượng cao Thông số kỹ thuật: Máy phát tia kèm bảng điều khiển: Kiểu mạch cao thế: Cao tần (một pha) Tần số cao thế: 200 kHz Dải điện thế đầu ra: 60-70kVp Dòng đầu bóng: 4mA/8mA Độ sai lệch tối đa của dòng đầu ra: $\pm 20\%$ Độ chính xác dòng bóng: $\pm 10\%$ Tuyến tính bức xạ: $\pm 10\%$ Tham chiếu sản phẩm dòng-thời gian: 0,8 mAs 8 mA 0,1 s 0,4 mAs 4 mA 0,1 s Cường độ bức xạ trong không khí: $< 30 \mu\text{Gy/h}$ tại 1 m tính từ tâm tiêu điểm Rò rỉ bức xạ (được đo tại 70kV, 8mA, 3,2s): $< 0,25 \text{ mGy/h}$ tại 1 m tính từ tâm tiêu điểm Các nhân tố tải có liên quan đến đầu vào năng lượng tối đa trong 1 tiếng: 70kV – 8mA – 3,2 s Ngắt quãng giữa các lần chụp (vòng công suất): 1:32 Thời gian chụp: Từ 0,02 – 3,2 s. Số chương trình chụp giải phẫu cài đặt trước: 17 chương trình					

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		Hiển thị bộ đo thời gian: Hiển thị đồ hoạ LCD hiển thị các tham số chụp, các đoạn lỗi, biểu tượng và tên của khu vực giải phẫu được lựa chọn Nút bấm chụp: Với cáp kéo dài (3m) Số lượng chương trình giải phẫu: 17 thời gian được cài đặt trước Lựa chọn kiểu bệnh nhân: Người lớn / Trẻ em Lựa chọn khu vực giải phẫu: Răng cửa, răng nanh, răng tiền hàm, răng hàm Chẩn đoán khớp cắn (Trước/Sau) Chẩn đoán cánh cắn (Trước/Sau) Kiểu lựa chọn: Chụp X-quang thường quy Chụp X-quang kỹ thuật số Bóng phát tia: Tâm tiêu điểm: 0,7mm Chất liệu anode: Tungsten Góc anode: 20° Công suất đầu vào anode: 560W Trữ lượng nhiệt anode: 7 kJ Toả nhiệt anode tối đa: 210W Lọc có sẵn của bóng tại 70 kV: 1 mm Al Tổng lọc tại 70 kV: 2.4 mm Al eq.; HVL > 2.0 mm Al eq. Khoảng cách từ tâm tiêu điểm tới đa tối thiểu: 20 cm với đầu ống ngắn					

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		Kích thước chùm tia X: ≤ 60 mm với đầu ống tròn và ngắn Tấm cảm biến CCD: Kích thước bề mặt động cảm biến: (34 x 26) mm. Số lượng điểm ảnh bề mặt động: (1700 x 1300) pixels Kích thước điểm ảnh: (20 x 20) μm. Công nghệ cảm biến: CMOS Độ dài cáp nối: 3m. Kết nối: Có USB 2.0 và USB 3.0 Máy tính, máy in Máy tính: CPU tốc độ 1,6 GHz trở lên, RAM 2 GB trở lên, ổ lưu trữ 500GB trở lên, màn hình LCD hoặc tương đương; kích thước 14 inch trở lên Máy in: Máy in màu, in được khổ phim chụp răng. Phần mềm điều khiển, quản lý bệnh nhân Danh sách bệnh nhân: Lưu các kiểm tra theo tên bệnh nhân, mã số (ID), ngày tháng, mô tả đặc điểm, hình ảnh, ngày sinh của bệnh nhân Công cụ xử lý ảnh: Có các tính năng đo đặc tối thiểu gồm: Đo góc; Xóa các đo đặc; thu phóng ảnh; Cắt xén hình ảnh; lật ảnh; Thu ảnh Lọc hình ảnh: + Có bộ lọc nhiễu của hình ảnh					

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		+ Có bộ lọc nâng cao đường viền hình ảnh Quản lý xem ảnh: + Có tính năng hiển thị hình ảnh đã chọn trong chế độ xem hình lớn + Có thể xem nhiều ảnh đồng thời + Thu phóng ảnh + Có tính năng cài đặt tỷ lệ của chế độ xem vừa với màn hình IV. YÊU CẦU KHÁC Bảo hành: 12 tháng Thời gian cung cấp: Tối đa 90 ngày Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng: Nhà thầu có trách nhiệm lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ tại đơn vị trực tiếp sử dụng Giấy phép bán hàng: Có Giấy ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối hợp pháp tại Việt Nam Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế, vật tư tiêu hao: Tối thiểu 10 năm					
4	Máy điện phân trị liệu	I. YÊU CẦU CHUNG Tên trang thiết bị: Máy điện phân trị liệu Tên Thương mại: Máy điện phân trị liệu Model: BTL-4625 Premium Hãng sản xuất: BTL Industries JSC Xuất xứ: Bulgaria	BTL-4625 Premium	Máy	02	145.000.000	290.000.000

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		Sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100% Thiết bị chính đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương Điện áp làm việc: 220V/50Hz Môi trường làm việc: - Nhiệt độ tối đa: ≤ 30 độ C - Độ ẩm tối đa: $\leq 75\%$ II. YÊU CẦU CẤU HÌNH Máy chính: 01 chiếc Bộ phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo đảm bảo cho máy hoạt động bình thường bao gồm: - Cáp bệnh nhân: 02 chiếc - Điện cực cao su kèm dây cáp: 04 chiếc - Bao điện cực: 04 chiếc - Đai cố định điện cực: 01 bộ - Xe đẩy máy chính hãng: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng TA/TV: 01 bộ III. YÊU CẦU KỸ THUẬT 1. Thông số thiết kế: Màn hình hiển thị: màu cảm ứng ≥ 7 inch Số kênh điện trị liệu: ≥ 2 kênh Có liệu pháp điện thế cao hoặc tương đương Đạt chuẩn an toàn IEC hoặc tương đương 2. Thông số mạch phát: Có ≥ 32 dòng điện trị liệu khác nhau, tối thiểu gồm: Galvanic, dòng diadynamic, Träbert,					

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		Faradic, neofaradic, TENS, NPHV, sequences, 2-pole IF, 4-pole IF, Xung hàm mũ, Xung hàm mũ tăng, xung hình chữ nhật, Kích thích kiểu Nga, Xung kích thích, xung hình thang, xung tam giác, xung kết hợp. Mở rộng: isoplanar và trường vector, dòng Leduc, H-wave, vi dòng, Cụm sóng tần số trung bình, Kích thích co cứng–Hufschmidt, Kích thích co cứng–Jantsch, HVT, Dòng xung điều chỉnh, dòng VMS, Dòng Kotz current, EPIR, Xung ngắt quãng, xung IG... Có phác đồ được lập trình sẵn và từ điển bách khoa điều trị. Có khả năng tạo chuỗi (danh sách) chương trình trị liệu Có chương trình chẩn đoán điện I/T Thời gian điều trị cài đặt: ≥ 100 phút. Chế độ điện áp không đổi/ cường độ dòng điện không đổi - Máy có ngôn ngữ Tiếng Việt hỗ trợ người dùng. - Hướng dẫn điều trị bộ phận cơ thể					
5	Máy điện xung trị liệu	I. YÊU CẦU CHUNG Tên trang thiết bị: Máy điện xung trị liệu Tên Thương mại: Máy điện xung trị liệu Model: BTL-5620 Puls Hãng sản xuất: BTL Industries JSC Xuất xứ: Bulgaria	BTL-5620 Puls	Máy	01	140.000.000	140.000.000

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		Sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100% Thiết bị chính đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng. II. YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH Máy chính 2 kênh trị liệu: 1 chiếc Cáp bệnh nhân: 2 chiếc Cáp điện cực: 4 chiếc Điện cực 5 x 7 cm: 4 chiếc Túi xốp điện cực 5 x 7 cm: 4 chiếc Xe đẩy máy chính hãng: 1 chiếc Tài liệu hướng dẫn sử dụng TA/TV: 1 Bộ III. YÊU CẦU KỸ THUẬT Màn hình hiển thị và điều khiển chức năng loại cảm ứng rộng 5,7 inches Số kênh điện hoạt động đồng thời tối đa: ≥ 02 kênh Có đầy đủ các dạng sóng tần số thấp, tần số trung bình và các dạng sóng biến đổi. Thời gian điều trị: Tối đa lên tới 100 phút Dòng điện điều trị tối đa: 140 mA (giá trị cực đại tức thời) Điện áp ngõ ra cực đại : 130 V (giá trị cực đại tức thời) Phân cực ngõ ra: cực dương/ cực âm/ đảo cực giữa các liệu pháp					

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		Các dạng dòng điện có sẵn, gồm: Galvanic, Diadynamics, Traebert, Faradic, Neofaradic, các xung hàm số mũ, các xung hàm số mũ tăng, các xung chữ nhật, kích thích kiểu Nga, xung kích thích, các xung tam giác, các xung kết hợp, TENS, chuỗi xung tuần tự, giao thoa 2 cực, giao thoa 4 cực. Thời gian điều trị: Tối đa lên tới 100 phút Dòng điện điều trị tối đa: 140 mA (giá trị cực đại tức thời) Điện áp ngõ ra cực đại : 130 V (giá trị cực đại tức thời) Phân cực ngõ ra: cực dương/ cực âm/ đảo cực giữa các liệu pháp Các dạng dòng điện có sẵn, gồm: Galvanic, Diadynamics, Traebert, Faradic, Neofaradic, các xung hàm số mũ, các xung hàm số mũ tăng, các xung chữ nhật, kích thích kiểu Nga, xung kích thích, các xung tam giác, các xung kết hợp, TENS, chuỗi xung tuần tự, giao thoa 2 cực, giao thoa 4 cực.					
6	Máy điện châm	I. YÊU CẦU CHUNG Tên trang thiết bị: Máy điện châm Tên Thương mại: Máy điện châm (Máy châm cứu) Model: KWD-808I	KWD-808I	Máy	22	1.850.000	40.700.000

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		Hãng sản xuất: Wunjin Greatwall Medical Xuất xứ: Trung Quốc Sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100% Thiết bị chính đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng. II. YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH Máy chính: 01 chiếc; Giắc nguồn: 01 chiếc; Dây cắm đứng 01 sợi (kết hợp miếng dán) Miếng dán màu trắng 01cặp Dây kẹp: ≥ 05 sợi (kết hợp đầu kẹp) Bút dò huyết: 01 cái Sách hướng dẫn: 01 quyển. III. YÊU CẦU KỸ THUẬT Máy có thể tạo ra các loại dạng sóng, tối thiểu gồm: sóng liên tục, sóng không liên tục, sóng nén, sóng dao động và sóng bắt đầu / dừng. Tần số xung của sóng cơ bản là từ 1,2Hz đến 55Hz và độ rộng của nó là 0,6ms. Nguồn chính một pha 220 V / 50Hz hoặc pin 9V bên trong Công suất phát: dưới 20 VA. 06 kênh đầu ra, kích thích 12 huyết cùng lúc Cường độ xung điều chỉnh Chức năng cài đặt thời gian: Phạm vi thời gian là					

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		từ 0 ~ $\geq$ 60 phút $\pm$ 10% Kích thước: (220 x 170 x 75) mm $\pm$ 10% ; Trọng lượng: $\leq$ 2 kg					
7	Bồn masage ngâm chân	I. YÊU CẦU CHUNG Tên trang thiết bị: Bồn masage ngâm chân Tên Thương mại: Bồn masage ngâm chân Model: FB 65 Hãng sản xuất: Beurer Xuất xứ: Đức Chất lượng hàng hóa: Thiết bị mới 100% Sản xuất từ năm: 2024 trở về sau Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn: ISO 9001 Điện áp sử dụng: 220-240 V, 50-60 Hz II. YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH Máy chính: 01 cái $\geq$ 3 đầu massage chăm sóc chân: đầu bản chải, đầu mài chân, và 1 đầu massage III. YÊU CẦU KỸ THUẬT Có $\geq$ 3 chức năng chính: massage rung, massage sỏi và chức năng làm nóng nước (từ 34 đến 48°C) Màn hình cảm ứng, có các chương trình massage cài sẵn và cài đặt massage thủ công để thư giãn cá nhân Có chức năng hẹn giờ Có 6 con lăn massage	FB 65	Cái	10	3.450.000	34.500.000

STT	Tên Trang thiết bị	Cấu hình, tiêu chí kỹ thuật	Model	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		Chân cao su chống trượt Công suất: ≥ 650 W IV. YÊU CẦU KHÁC Thời gian bảo hành: 12 tháng Trong thời gian bảo hành nhà thầu có cam kết bảo trì 6 tháng một lần					
(07 Khoản)							1.983.200.000
<i>(Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng)./.</i>							

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN